Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 02/11/2026 17:39:23 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3179 /QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung kiến trúc Nền tảng quản lý doanh nghiệp quốc gia (Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp) (Phiên bản 1.0)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 76/2025/QH15);

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 296/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 331/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia, trong đó Nền tảng quản lý doanh nghiệp quốc gia thuộc nhóm B do Bộ Tài chính chủ quản;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số phiên bản 1.0;

Căn cứ Thông tư số 119/2025/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 106/2026/TT-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 4060/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính ban hành Khung kiến trúc số Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc (các tiêu chí kỹ thuật về điện toán đám mây, cấu hình động, đa cơ quan, API/SDK được áp dụng như hướng dẫn kỹ thuật);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung kiến trúc Nền tảng quản lý doanh nghiệp quốc gia (Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp) (Phiên bản 1.0).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, DNTN (b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

KHUNG KIẾN TRÚC NỀN TẢNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP QUỐC GIA

Phiên bản 1.0

(Kèm theo Quyết định số 3179 /QĐ-BTC ngày 02 / 11 /2026 của Bộ Tài chính)

1. Mục tiêu

Nền tảng quản lý doanh nghiệp quốc gia (sau đây gọi tắt là "Nền tảng") do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành, nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (tổ chức kinh tế tập thể), đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và các loại hình kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

Nền tảng bao gồm Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các hệ thống thành phần (Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ và các hệ thống thành phần khác); Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu thành phần; Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hạ tầng kỹ thuật và các kết nối với hệ thống thông tin bên ngoài.

Nền tảng thực hiện việc tiếp nhận, số hóa, xử lý, giải quyết, trả kết quả, theo dõi, giám sát và quản lý sau đăng ký (hậu kiểm) đối với các thủ tục hành chính và nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực đăng ký và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể và các loại hình khác theo quy định của pháp luật; đồng thời thực hiện việc gửi, nhận, lưu giữ, quản lý, khai thác, hiển thị và cung cấp dữ liệu, dịch vụ dùng chung cho các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân theo quy định. Nền tảng được sử dụng thống nhất từ trung ương đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và là nguồn dữ liệu gốc, có giá trị pháp lý về chủ thể kinh doanh.

Kiến trúc Nền tảng được xây dựng nhằm cụ thể hóa các yêu cầu quản lý nhà nước, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa nghiệp vụ, dữ liệu, ứng dụng, tích hợp, hạ tầng kỹ thuật và an ninh mạng; đáp ứng các tiêu chí của nền tảng số dùng chung quốc gia nhóm B theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số phiên bản 1.0 ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Khung kiến trúc số Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 4060/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính.

Mục tiêu cụ thể của Kiến trúc bao gồm:

- Bảo đảm Nền tảng vận hành liên tục, ổn định; được duy trì, nâng cấp, cải tiến thường xuyên đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của công nghệ; quy

trình, biểu mẫu, quy tắc nghiệp vụ được cấu hình trên Nền tảng để kịp thời cập nhật khi quy định pháp luật thay đổi, hạn chế tối đa việc lập trình lại và thời gian gián đoạn dịch vụ.

- Bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể và các loại hình khác thuộc phạm vi Nền tảng, áp dụng trên toàn quốc; người nộp hồ sơ đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để truy cập Nền tảng; liên thông trạng thái, kết quả giải quyết hồ sơ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; từng bước chuyển sang cung cấp dịch vụ công chủ động, cá nhân hóa trên cơ sở dữ liệu sẵn có.

- Bảo đảm khởi tạo, thu thập đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể và các loại hình khác được hình thành trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung". Nền tảng là nguồn dữ liệu chủ về định danh chủ thể kinh doanh, phục vụ cấp tài khoản định danh điện tử cho tổ chức, xác thực thông tin doanh nghiệp và cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đăng ký trong giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương.

- Khai thác dữ liệu sẵn có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ; không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bản sao giấy tờ mà cơ quan đăng ký kinh doanh có thể khai thác từ các cơ sở dữ liệu này; đảm bảo nguyên tắc khai báo một lần.

- Bảo đảm Nền tảng được phát triển theo hướng mở: công bố công khai tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ công cụ phát triển phần mềm (SDK) để các bộ, ngành, địa phương, tổ chức được cấp quyền kết nối, khai thác, phát triển ứng dụng, dịch vụ trên nền dữ liệu của Nền tảng; kết nối, sử dụng lại tối đa các nền tảng số dùng chung quốc gia nhóm A; không để phát sinh hệ thống trùng lặp chức năng.

- Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế, hệ thống thông tin của cơ quan hải quan, bảo hiểm xã hội, ngân hàng/tín dụng, quản lý lao động, đầu tư, chứng khoán, Tòa án, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

- Hình thành năng lực phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý nhà nước về doanh nghiệp: tính toán bộ chỉ số sức khỏe doanh nghiệp; quản lý rủi ro phục vụ hậu kiểm; phân tích, dự báo phục vụ hoạch định chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; theo dõi thực hiện chương trình, nghị quyết.

- Cung cấp dữ liệu, chỉ số và giao diện kỹ thuật phục vụ đo lường, giám sát trực tuyến hiệu quả vận hành, khai thác Nền tảng theo yêu cầu của nền tảng số

dùng chung quốc gia; đo lường chất lượng dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực, công khai cam kết chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của người sử dụng.

- Bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ vòng đời xây dựng, vận hành, khai thác Nền tảng theo Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, Nghị định số 331/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; đáp ứng yêu cầu bảo vệ tương ứng với cấp độ an ninh mạng được phê duyệt.

2. Căn cứ và nguyên tắc kiến trúc

2.1. Căn cứ xây dựng Kiến trúc

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/ QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15);

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

- Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

- Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

- Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

- Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

- Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Giao dịch điện tử;

- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo;

- Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chuyển đổi số;

- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Nghị định số 296/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp;

- Nghị định số 331/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

- Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

- Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung (phiên bản 1.0);

- Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia, trong đó Nền tảng quản lý doanh nghiệp quốc gia thuộc nhóm B do Bộ Tài chính chủ quản;

- Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số phiên bản 1.0;

- Thông tư số 119/2025/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 106/2026/TT-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Quyết định số 377/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể;

- Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Quyết định số 4060/QĐ-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính ban hành Khung kiến trúc số Bộ Tài chính;

- Công văn số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc (các tiêu chí kỹ thuật về điện toán đám mây, cấu hình động, đa cơ quan, API/SDK được áp dụng như hướng dẫn kỹ thuật).

2.2. Nguyên tắc kiến trúc

Nền tảng áp dụng các nguyên tắc cốt lõi và nguyên tắc thiết kế của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, được cụ thể hóa như sau:

- **Quản trị dựa trên kết quả**: mọi thành phần của Nền tảng gắn với chỉ tiêu đo lường được (thời gian giải quyết, tỷ lệ hồ sơ toàn trình, mức độ sẵn sàng, chất lượng dữ liệu, mức độ khai thác); chỉ số được thu thập tự động từ dữ liệu vận hành, hạn chế báo cáo thủ công.

- **Điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực**: báo cáo, bảng điều hành (dashboard) các cấp lấy dữ liệu trực tiếp từ Nền tảng; cơ quan cập nhật dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu do mình cập nhật.

- **Ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát**: AI hỗ trợ phân tích, dự báo, tự động hóa quy trình; cán bộ có thẩm quyền xem xét và chịu trách nhiệm quyết định; AI không tự động ra quyết định từ chối hồ sơ, thu hồi giấy chứng nhận, xử lý vi phạm.

- **Dùng chung, không đầu tư trùng lặp**: kế thừa tối đa hệ thống hiện có; ưu tiên tích hợp các nền tảng số dùng chung quốc gia nhóm A theo quy định tại Quyết định số 1132/QĐ-TTg và thành phần dùng chung cấp bộ (định danh, xác thực, chia sẻ dữ liệu, điện toán đám mây, giám sát an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo...); chỉ đầu tư thành phần riêng khi có luận chứng nền tảng dùng chung không đáp ứng.

- **Sử dụng điện toán đám mây:** ưu tiên sử dụng Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia.

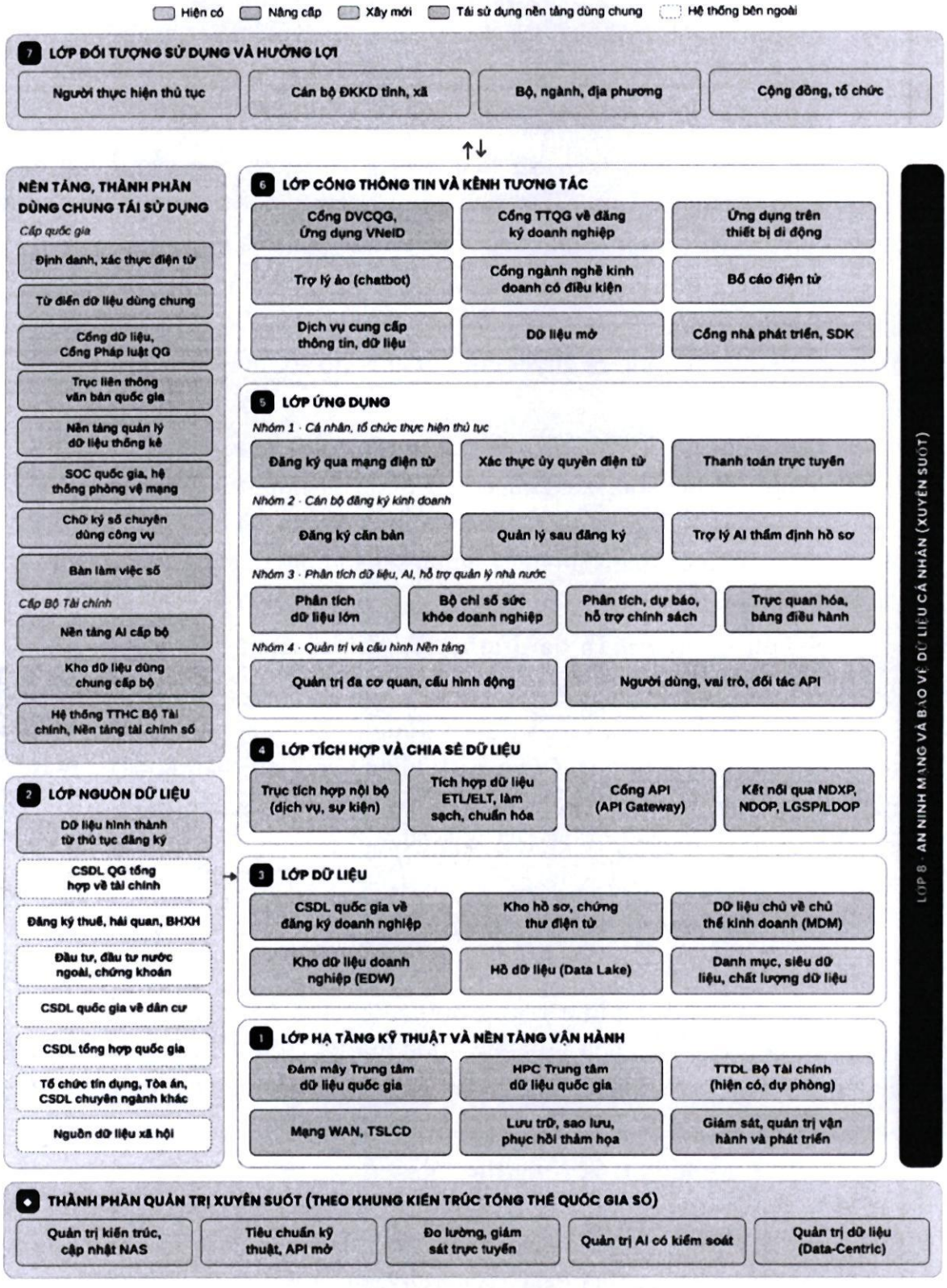
- **Mở, mô-đun hóa và cấu hình động**: ứng dụng chia nhỏ theo nghiệp vụ, kết nối qua trục tích hợp và Cổng API; không cố định (hardcode) quy trình, biểu mẫu, báo cáo trong mã nguồn; tách biệt cấu hình và phạm vi dữ liệu nghiệp vụ theo từng cơ quan đăng ký kinh doanh; công bố công khai tiêu chuẩn kỹ thuật và API.

- **Tái cấu trúc quy trình trước khi số hóa**: chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đăng ký kinh doanh.

- **Lấy người dùng làm trung tâm**: cung cấp dịch vụ thống nhất trên nhiều kênh, trong đó Cổng Dịch vụ công quốc gia và Ứng dụng VNeID là kênh giao tiếp chính; bảo đảm khả năng tiếp cận, kể cả đối với người khuyết tật, người cao tuổi.

3. Mô hình kiến trúc tổng thể

Kiến trúc Nền tảng được tổ chức theo 08 lớp và một nhóm thành phần quản trị xuyên suốt, bao gồm: (1) Lớp Hạ tầng kỹ thuật và nền tảng vận hành; (2) Lớp Nguồn dữ liệu; (3) Lớp Dữ liệu; (4) Lớp Tích hợp và chia sẻ dữ liệu; (5) Lớp Ứng dụng; (6) Lớp Cổng thông tin và kênh tương tác; (7) Lớp Đối tượng sử dụng và hưởng lợi; (8) Lớp An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; và Thành phần quản trị xuyên suốt (quản trị kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, đo lường và giám sát, trí tuệ nhân tạo, quản trị dữ liệu).



Hình 1. Mô hình kiến trúc tổng thể Nền tảng quản lý doanh nghiệp quốc gia

3.1. Lớp Hạ tầng kỹ thuật và nền tảng vận hành

Lớp Hạ tầng kỹ thuật và nền tảng vận hành bao gồm:

- **Hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia**: Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các ứng dụng của Nền tảng được chuyển sang lưu trữ, vận hành

trên Nền tảng điện toán đám mây trong Trung tâm dữ liệu quốc gia và dự phòng tại Trung tâm dữ liệu của Bộ Tài chính; việc chuyển đổi được thực hiện theo lộ trình thống nhất với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- **Trung tâm dữ liệu hiện có**: 02 trung tâm dữ liệu đang vận hành, trong đó một trung tâm vận hành chính các ứng dụng lõi phục vụ tác nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh, một trung tâm vận hành các ứng dụng trực tuyến cung cấp dịch vụ công đồng thời đóng vai trò dự phòng. Các trung tâm dữ liệu hiện có tiếp tục vận hành cho đến khi Trung tâm dữ liệu quốc gia đủ điều kiện tiếp nhận; sau đó được xác định lại vai trò (dự phòng, kết nối biên) theo lộ trình thống nhất với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Hệ thống mạng: mạng nội bộ (LAN) và mạng diện rộng (WAN) kết nối từ trung ương đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã thông qua mạng WAN của Bộ Tài chính và kênh dự phòng sử dụng mạng riêng ảo (VPN); kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (ưu tiên đối với kết nối đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã); kênh truyền riêng với Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; kết nối đến Trung tâm dữ liệu quốc gia; phân đoạn theo vùng (ứng dụng lõi, ứng dụng trực tuyến, người dùng, dữ liệu).

- **Hạ tầng lưu trữ dữ liệu**: phân tầng cho dữ liệu có cấu trúc (cơ sở dữ liệu nghiệp vụ, kho dữ liệu) và dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ số hóa, tệp đính kèm, dữ liệu phục vụ Hồ dữ liệu); áp dụng chính sách lưu trữ theo phân loại dữ liệu tại khoản 1 Điều 13 Luật Dữ liệu và theo vòng đời dữ liệu.

- **Tài nguyên điện toán đám mây và tính toán hiệu năng cao**: sử dụng Nền tảng điện toán đám mây và Trung tâm tính toán hiệu năng cao của Trung tâm dữ liệu quốc gia cho các khối lượng xử lý phân tích dữ liệu lớn, huấn luyện, vận hành mô hình trí tuệ nhân tạo; trước khi Trung tâm tính toán hiệu năng cao sẵn sàng, sử dụng Nền tảng trí tuệ nhân tạo cấp bộ của Bộ Tài chính.

- **Sao lưu, phục hồi**: sao lưu đa tầng, kết hợp lưu trữ hiện hành và dự phòng phân tán; phương án phục hồi thảm họa tương ứng với cấp độ được phê duyệt; diễn tập phục hồi định kỳ; chỉ tiêu RTO, RPO của từng nhóm ứng dụng được xác định trong phương án bảo đảm an ninh mạng.

- **Hệ thống giám sát tập trung**: giám sát máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, điều kiện vận hành của Trung tâm dữ liệu và giám sát hiệu năng ứng dụng, dịch vụ API, trải nghiệm người dùng thực; cảnh báo theo quy trình vận hành; cung cấp số liệu tự động cho Thành phần đo lường, giám sát trực tuyến và cho việc đo lường chất lượng dịch vụ công trực tuyến.

- **Quản trị vận hành và phát triển**: chính sách, quy trình quản lý cấu hình, thay đổi, sự cố, phát hành phần mềm và quy định quản trị hệ thống; chuỗi tích hợp, kiểm thử, triển khai tự động có kiểm tra an ninh; tách biệt môi trường phát triển, kiểm thử, tiền triển khai và vận hành; phát hành phiên bản mới hạn chế tối

đa thời gian dừng hệ thống, việc dừng có kế hoạch được thông báo trước; môi trường thử nghiệm chỉ sử dụng dữ liệu đã khử nhận dạng.

Hạ tầng kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống số theo Điều 8 Luật Chuyển đổi số: an ninh mạng theo cấp độ; kết nối, chia sẻ theo tiêu chuẩn; lưu trữ, sao lưu, bảo vệ, phục hồi dữ liệu; mức độ sẵn sàng tối thiểu và phương án chuyển đổi dự phòng; ghi nhận, lưu trữ, bảo vệ nhật ký hệ thống; khả năng tiếp cận. Ứng dụng được đóng gói, triển khai trên nền tảng điều phối của hạ tầng đám mây và co giãn theo tải; ưu tiên tiêu chuẩn mở, công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược ban hành kèm theo Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg; tránh phụ thuộc vào một nhà cung cấp.

3.2. Lớp Nguồn dữ liệu

Lớp Nguồn dữ liệu xác định rõ nguồn gốc, phạm vi, cơ sở pháp lý và phương thức hình thành dữ liệu trước khi được tích hợp, làm sạch, chuẩn hóa. Các nhóm nguồn dữ liệu gồm:

- Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức khoa học và công nghệ và các loại hình kinh tế khác được hình thành trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Khai thác, liên thông với cơ sở dữ liệu do Bộ Tài chính quản lý: Cơ sở dữ liệu quốc gia tổng hợp về tài chính; Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; cơ sở dữ liệu hải quan; cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội; hệ thống thông tin về đầu tư, đầu tư nước ngoài; cơ sở dữ liệu chuyên ngành về chứng khoán và các cơ sở dữ liệu liên quan khác.

- Dữ liệu của bộ, ngành, địa phương quản lý: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cơ sở dữ liệu tổ chức tín dụng và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

- Nguồn dữ liệu xã hội: dữ liệu công khai, dữ liệu do tổ chức, doanh nghiệp tự nguyện cung cấp.

- Nguyên tắc quản lý nguồn dữ liệu:

+ **Tuân thủ pháp luật**: thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 296/2026/NĐ-CP), Nghị định số 295/2026/NĐ-CP, Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và văn bản liên quan.

+ **Phương án dự phòng khi kết nối gián đoạn**: khi kết nối với cơ sở dữ liệu nguồn bị gián đoạn, Nền tảng áp dụng quy trình xử lý dự phòng theo quy định của văn bản chuyên ngành và xử lý bù, đối soát khi kết nối được khôi phục.

+ **Bảo vệ dữ liệu cá nhân**: ưu tiên dữ liệu tổng hợp, dữ liệu đã khử nhận dạng khi sử dụng cho mục đích phân tích, thống kê.

3.3. Lớp Dữ liệu

Lớp Dữ liệu tập trung lưu trữ, quản lý và khai thác dữ liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức khoa học và công nghệ và các loại hình kinh tế khác trên phạm vi toàn quốc; tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, gồm:

- **Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**: bao gồm các dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký tổ chức kinh tế tập thể, đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ và đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- **Kho hồ sơ, chứng thư điện tử**: lưu trữ hồ sơ đăng ký, giấy chứng nhận, văn bản điện tử và tệp đính kèm có giá trị pháp lý của các thủ tục đăng ký; bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực bằng chữ ký số và lưu trữ theo thời hạn quy định.

- **Kho dữ liệu doanh nghiệp (EDW)**: tổng hợp dữ liệu đăng ký và dữ liệu được chia sẻ từ các nguồn, tổ chức theo mô hình phân tích, phục vụ báo cáo, thống kê, tính toán Bộ chỉ số sức khỏe doanh nghiệp và các mô hình phân tích, dự báo.

- **Hồ dữ liệu (Data Lake)**: lưu trữ dữ liệu thô, dữ liệu bán cấu trúc và phi cấu trúc (hồ sơ số hóa, văn bản, dữ liệu xã hội) phục vụ khai phá dữ liệu, huấn luyện mô hình trí tuệ nhân tạo; có phân vùng dữ liệu thô, dữ liệu đã làm sạch và dữ liệu phục vụ khai thác; ưu tiên sử dụng nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung, hạ tầng đám mây của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- **Danh mục, siêu dữ liệu và chất lượng dữ liệu**: mô tả toàn bộ tập dữ liệu, trường dữ liệu, chủ quản, nguồn gốc, mức độ phân loại, chất lượng; chuẩn hóa và lập bảng ánh xạ với Từ điển dữ liệu dùng chung trước khi kết nối qua nền tảng chia sẻ quốc gia; công cụ quản lý chất lượng dữ liệu với bộ quy tắc, chỉ số chất lượng, báo cáo và quy trình xử lý sai lệch, áp dụng thống nhất cho toàn bộ các kho dữ liệu của Nền tảng.

Việc quản lý, cập nhật và khai thác dữ liệu bảo đảm dữ liệu an toàn và có khả năng truy vết trong suốt vòng đời. Chất lượng dữ liệu được đánh giá theo các tiêu chí chính xác, hợp lệ, toàn vẹn, đầy đủ, cập nhật kịp thời, thống nhất; dữ liệu lịch sử được số hóa, chuẩn hóa, chuyển đổi và hiệu đính theo quy định pháp luật.

- **Danh mục dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

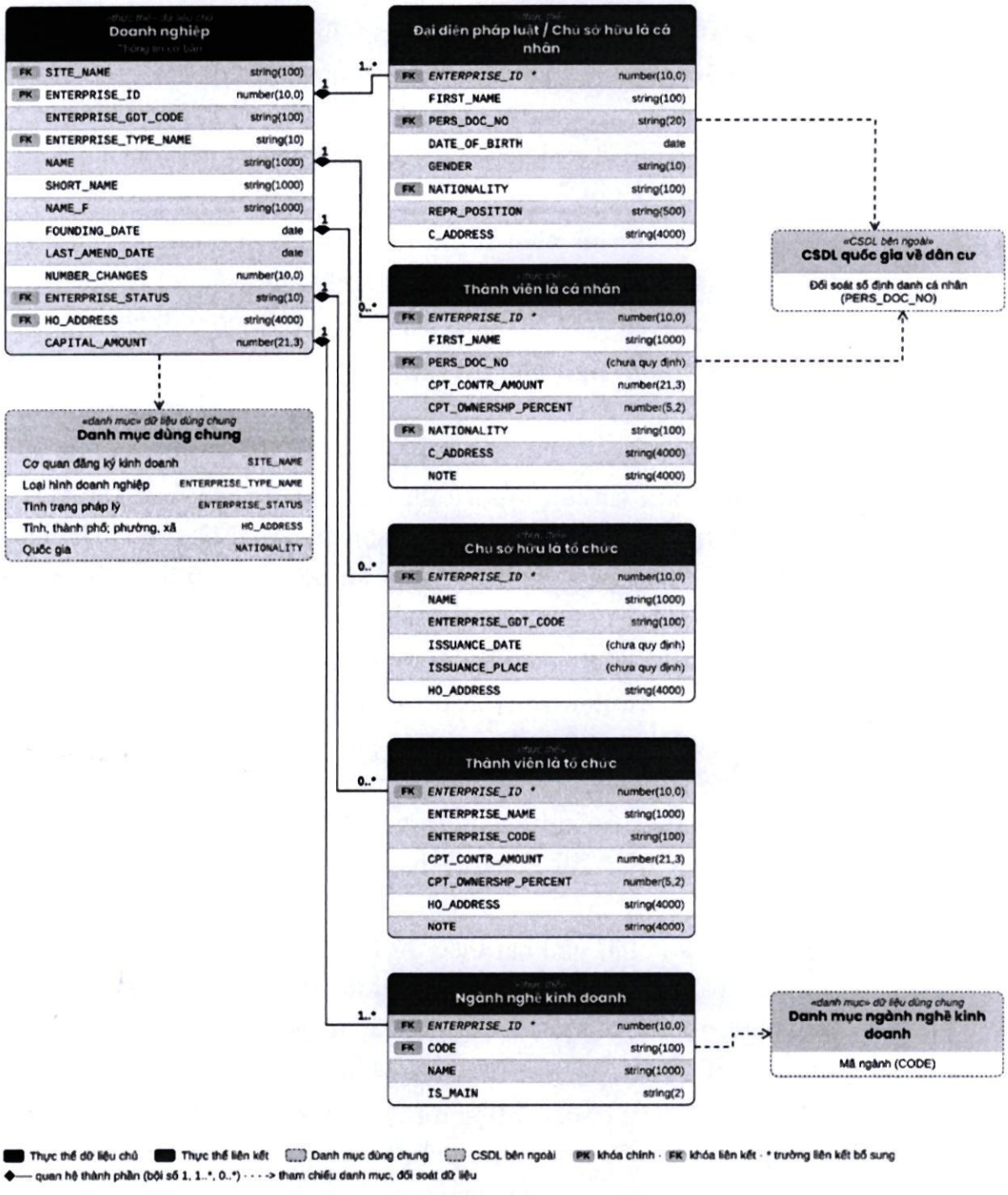
+ Dữ liệu chủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

(1) Dữ liệu chủ về đăng ký doanh nghiệp: Thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh, chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

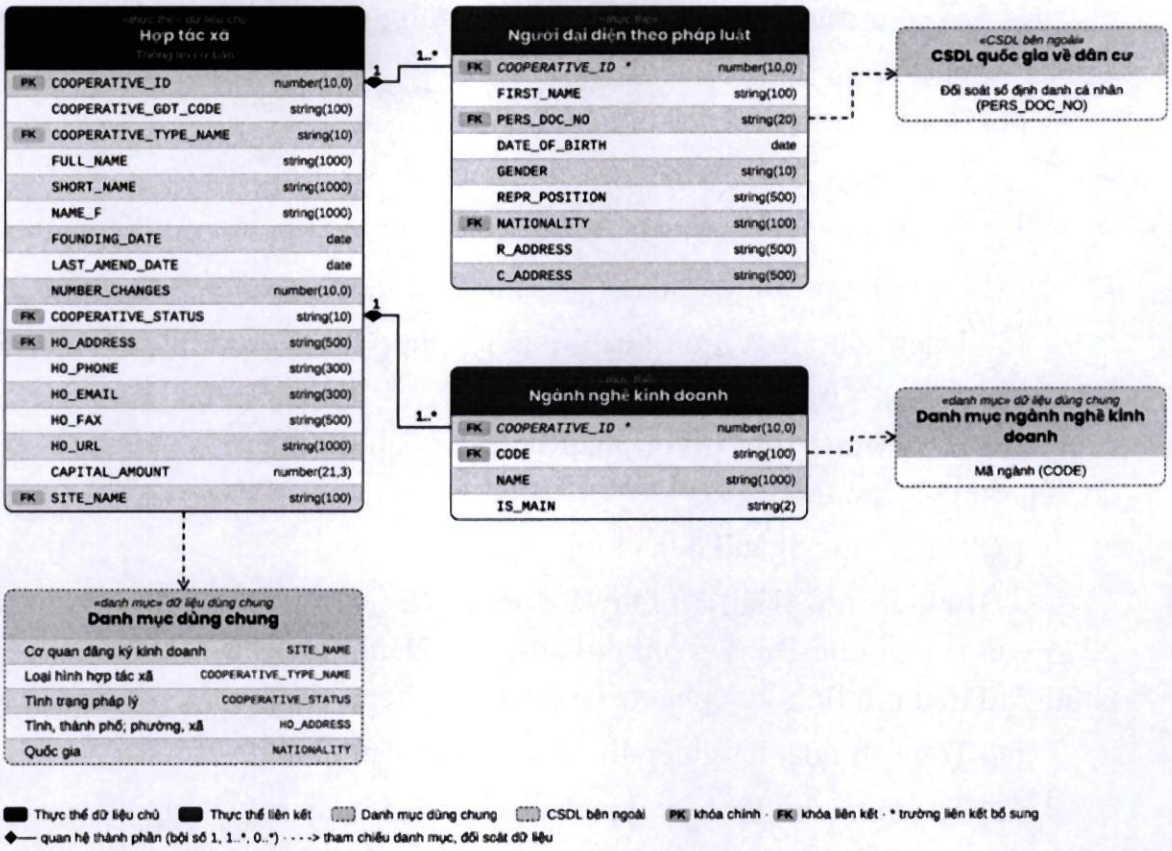
(2) Dữ liệu chủ về đăng ký tổ chức kinh tế tập thể: Thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

(3) Dữ liệu chủ về đăng ký hộ kinh doanh: Thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, chi tiết tại Phụ lục III kèm theo.

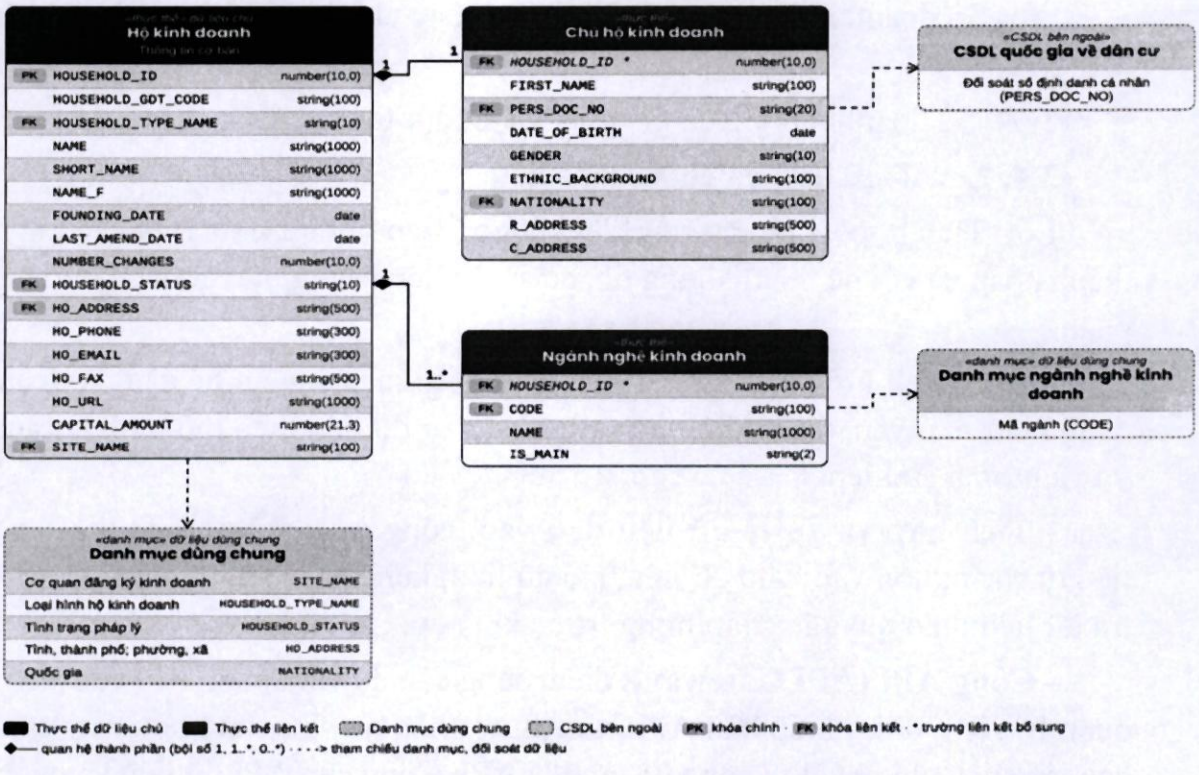
Mô hình thực thể dữ liệu chủ:



Hình 2. Mô hình thực thể dữ liệu chủ về đăng ký doanh nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục I)



Hình 3. Mô hình thực thể dữ liệu chủ về đăng ký tổ chức kinh tế tập thể (Chi tiết tại Phụ lục II)



Hình 4. Mô hình thực thể dữ liệu chủ về đăng ký hộ kinh doanh (Chi tiết tại Phụ lục III)

+ **Dữ liệu dùng chung:** Nền tảng sử dụng các danh mục dùng chung bao gồm:

(1) Danh mục quốc gia;

(2) Danh mục tỉnh, thành phố;

(3) Danh mục phường, xã, đặc khu;

(4) Danh mục Cơ quan đăng ký kinh doanh;

(5) Danh mục loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc;

(6) Danh mục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc;

(7) Danh mục ngành nghề kinh doanh.

+ **Dữ liệu mở**: Căn cứ Quyết định 2826/QĐ-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục dữ liệu mở của Bộ Tài chính, dữ liệu mở lĩnh vực phát triển doanh nghiệp, bao gồm:

(1) Tổng số doanh nghiệp thành lập mới hằng tháng

(2) Tổng số vốn đăng ký doanh nghiệp thành lập mới hằng tháng

(3) Tổng số lao động đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới hằng tháng

(4) Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động hằng tháng

(5) Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh hằng tháng

(6) Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể hằng tháng

(7) Số doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại hằng tháng

3.4. Lớp Tích hợp và chia sẻ dữ liệu

Lớp Tích hợp và chia sẻ dữ liệu kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các ứng dụng thành phần và với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bên ngoài, gồm 04 nhóm thành phần:

- **Trục tích hợp nội bộ**: trao đổi dữ liệu giữa các phân hệ đăng ký căn bản, đăng ký trực tuyến, Cổng thông tin và các cơ sở dữ liệu theo mô hình hướng dịch vụ và hướng sự kiện.

- **Tích hợp và xử lý dữ liệu đầu vào**: công cụ tích hợp ETL/ELT nạp dữ liệu từ các nguồn vào Kho dữ liệu, Hồ dữ liệu; làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu; kiểm tra dữ liệu theo quy tắc chất lượng trước khi nạp.

- **Cổng API (API Gateway)**: điểm cung cấp duy nhất các API của Nền tảng; quản lý vòng đời, phiên bản API; xác thực, phân quyền, cấp khóa truy cập, giới hạn tần suất, ghi nhật ký; công bố tài liệu API. Cung cấp API dữ liệu và phân tích: API tra cứu, xác thực thông tin chủ thể kinh doanh, API dữ liệu tổng hợp, chỉ số

phục vụ bộ, ngành, địa phương và tổ chức được cấp quyền; API giám sát trực tuyến phục vụ cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số.

- Kết nối với hệ thống bên ngoài: được thực hiện thời gian thực hoặc đồng bộ định kỳ với:

+ Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế: tự động tạo, gửi, nhận mã số doanh nghiệp, mã số hộ kinh doanh, mã số hợp tác xã (đồng thời là mã số thuế); truyền thông tin đăng ký, tình trạng hoạt động.

+ Nền tảng định danh và xác thực điện tử: đăng nhập một lần, xác thực danh tính người nộp hồ sơ; xác thực điện tử của người ủy quyền và người được ủy quyền; cung cấp dữ liệu doanh nghiệp phục vụ cấp tài khoản định danh điện tử cho tổ chức theo Nghị định số 69/2024/NĐ-CP.

+ Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính: đồng bộ thủ tục, trạng thái hồ sơ, kết quả giải quyết, thanh toán trực tuyến, đánh giá mức độ hài lòng; Nền tảng là hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành xử lý thủ tục đăng ký kinh doanh, không tiếp nhận cùng một hồ sơ ở hai hệ thống.

+ Hệ thống thông tin của cơ quan bảo hiểm xã hội, hải quan, quản lý lao động, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia: chia sẻ thông tin đăng ký, tình trạng pháp lý của chủ thể kinh doanh; đối soát thông tin cá nhân theo số định danh cá nhân.

+ Hệ thống thông tin về đầu tư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về chứng khoán, hệ thống thông tin của Tòa án: nhận dữ liệu thay thế thành phần hồ sơ.

+ Nền tảng quản lý dữ liệu thống kê, Nền tảng tài chính số quốc gia: cung cấp dữ liệu phục vụ thống kê nhà nước về doanh nghiệp và quản lý tài chính.

+ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương: tra cứu, xác thực thông tin thay thế giấy tờ.

+ Cổng dữ liệu quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia, Cổng Pháp luật quốc gia: công bố dữ liệu mở, danh mục dịch vụ chia sẻ; trao đổi văn bản điện tử với cơ quan khác; liên kết văn bản quy phạm pháp luật.

+ Nền tảng thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá triển khai chuyển đổi số và Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia: cung cấp chỉ số vận hành, khai thác và thông tin kiến trúc, thành phần, kết nối của Nền tảng.

+ Trung tâm An ninh mạng quốc gia (Bộ Công an): kết nối hệ thống giám sát an ninh mạng, hệ thống phòng, chống mã độc tập trung (điểm b khoản 1 Điều 40 Luật An ninh mạng).

Nguyên tắc kết nối: phân quyền, xác thực yêu cầu truy cập, chỉ cơ quan, tổ chức được cấp quyền mới được khai thác dữ liệu tương ứng phạm vi, mục đích theo quy định; ghi nhật ký truy cập; API được mô tả theo đặc tả mở, có phiên bản

và cam kết mức dịch vụ; kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử thay thế việc cung cấp thông tin bằng văn bản giấy.

Phương thức kết nối: kết nối thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP) của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo phương thức quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP (truy vấn trực tuyến có xác thực, phân quyền; đồng bộ dữ liệu; tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia); sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP/LDOP) của Bộ Tài chính đối với kết nối với bộ, ngành, địa phương và trong nội bộ Bộ Tài chính; kết nối trực tiếp theo quy định đối với trường hợp đặc thù (kênh truyền riêng với Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế).

3.5. Lớp Ứng dụng

Lớp Ứng dụng được thiết kế mô-đun theo nghiệp vụ, dùng chung các biểu mẫu điện tử, quy trình, quy tắc nghiệp vụ, báo cáo, thông báo cho tất cả phân hệ (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức khoa học và công nghệ và các loại hình khác), gồm 04 nhóm:

Nhóm 1 - Ứng dụng dành cho cá nhân, tổ chức, bao gồm:

- Hệ thống đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ chức khoa học và công nghệ qua mạng điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (điền sẵn thông tin từ dữ liệu có sẵn, gợi ý ngành nghề, tự động kiểm tra tên trùng, tên gây nhầm lẫn, biểu mẫu điện tử cấu hình được, giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả điện tử, nhắc hạn nghĩa vụ...);

- Xác thực ủy quyền điện tử thông qua Ứng dụng VNeID;

- Thanh toán trực tuyến, đối soát tự động, biên lai điện tử.

Nhóm 2 - Ứng dụng dành cho cán bộ đăng ký kinh doanh (cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã, Ban Quản lý khu công nghệ cao), bao gồm:

- Hệ thống đăng ký căn bản: tiếp nhận, xử lý, giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Hệ thống quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sau đăng ký.

- Trợ lý AI hỗ trợ cán bộ thẩm định hồ sơ: kiểm tra tính hợp lệ, phát hiện sai sót, dự thảo thông báo, nêu căn cứ của từng gợi ý; cán bộ có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nhóm 3 - Ứng dụng phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và hỗ trợ quản lý nhà nước:

- Công cụ phân tích dữ liệu lớn.

- Ứng dụng tính toán Bộ chỉ số sức khỏe doanh nghiệp theo phương pháp luận, chỉ tiêu, nguồn dữ liệu, tần suất do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công bố.

- Phân tích, dự báo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hoạch định chính sách; theo dõi thực hiện chương trình, nghị quyết về phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể.

- Công cụ trực quan hóa, khám phá dữ liệu dành cho cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư, doanh nghiệp: báo cáo, bảng điều hành đa cấp cho người dùng cuối với dữ liệu thời gian thực hoặc gần thời gian thực, phân quyền theo cấp.

Nhóm 4 - Ứng dụng quản trị và cấu hình Nền tảng:

- Quản trị đa cơ quan (multi-tenant) đến từng cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã; cấu hình biểu mẫu, quy trình, quy tắc nghiệp vụ, báo cáo, danh mục, quy tắc tính thời hạn đối với hồ sơ tiếp nhận ngoài giờ hành chính.

- Quản lý người dùng, vai trò, phân cấp quản trị cho cấp tỉnh; quản lý đối tác kết nối API.

3.6. Lớp Cổng thông tin và kênh tương tác

- **Cổng Dịch vụ công quốc gia và Ứng dụng VNeID**: là kênh giao tiếp chính thức, điểm truy cập của người nộp hồ sơ.

- **Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**: tra cứu thông tin cơ bản, tình trạng pháp lý, tìm kiếm tên doanh nghiệp; văn bản quy phạm pháp luật, biểu mẫu, hướng dẫn; thông tin thống kê về doanh nghiệp; công khai cam kết chất lượng dịch vụ, chỉ số chất lượng theo thời gian thực, mức độ hài lòng; điều khoản, điều kiện sử dụng, cơ chế tiếp nhận, giải quyết khiếu nại và chính sách bảo vệ quyền lợi người sử dụng.

- **Ứng dụng trên thiết bị di động**: kênh tra cứu thông tin, thực hiện thủ tục, nhận thông báo và kết quả giải quyết trên thiết bị di động, xác thực bằng tài khoản định danh điện tử.

- **Trợ lý ảo** (chatbot): sử dụng trợ lý ảo trên Nền tảng trí tuệ nhân tạo cấp bộ của Bộ Tài chính, bổ sung tri thức về đăng ký kinh doanh.

- **Cổng thông tin ngành nghề kinh doanh có điều kiện**: bộ, ngành cập nhật, đồng bộ danh mục và điều kiện kinh doanh theo Luật Đầu tư và văn bản hướng dẫn; tổ chức, cá nhân tra cứu.

- **Dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu**: cung cấp sản phẩm, dịch vụ dữ liệu theo danh mục và biểu phí do cấp có thẩm quyền ban hành.

- **Dữ liệu mở**: công bố các tập dữ liệu mở về doanh nghiệp theo danh mục được phê duyệt, liên thông Cổng dữ liệu quốc gia.

- **Bộ công cụ phát triển (SDK) và Cổng nhà phát triển**: cung cấp SDK, tài liệu kỹ thuật, môi trường thử nghiệm và quy trình đăng ký kết nối để bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp phát triển ứng dụng mở rộng thực hiện các nghiệp vụ trong phạm vi được cấp quyền.

- **Bố cáo điện tử**: công khai thông tin đăng ký mới, thay đổi, giải thể, phá sản, thu hồi, vi phạm.

3.7. Lớp Đối tượng sử dụng và hưởng lợi

- **Cơ quan nhà nước**: cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã, Ban Quản lý khu công nghệ cao; bộ, ngành, địa phương, cơ quan quản lý nhà nước sử dụng Nền tảng như nền tảng dùng chung (tra cứu, xác thực, khai thác dữ liệu, chỉ số); cơ quan thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, Tòa án trao đổi dữ liệu qua API; cán bộ quản trị, vận hành Nền tảng thuộc Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể; cơ quan giám sát nền tảng số dùng chung, an ninh mạng.

- **Doanh nghiệp, cộng đồng**: doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức khoa học và công nghệ, Ngân hàng Chính sách xã hội và các loại hình khác; người thành lập, người được ủy quyền thực hiện thủ tục; người dân, nhà đầu tư tra cứu, khai thác thông tin.

- **Tổ chức liên quan**: tổ chức tín dụng, hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, tổ chức quốc tế khai thác dữ liệu, dịch vụ theo quy định.

Kênh truy cập của từng nhóm đối tượng: người thực hiện thủ tục qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng VNeID hoặc Bộ phận một cửa khi nộp hồ sơ bản giấy; cán bộ đăng ký kinh doanh qua ứng dụng nghiệp vụ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng hoặc internet; cơ quan quản lý nhà nước qua API và dashboard được phân quyền; cộng đồng qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cổng dữ liệu quốc gia và Cổng nhà phát triển.

3.8. Lớp An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Lớp An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân được thiết kế xuyên suốt tất cả các lớp, phù hợp với các văn bản về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân nêu tại mục 2.1. Nền tảng đáp ứng đầy đủ yêu cầu cơ bản về quản lý và kỹ thuật tương ứng với cấp độ của Nền tảng theo hồ sơ đề xuất cấp độ được thẩm định, phê duyệt. Nền tảng được thiết kế theo nguyên tắc bảo vệ nhiều lớp:

- **Tổ chức, quản trị an ninh mạng**: xác định đơn vị chuyên trách an ninh mạng; phương án bảo đảm an ninh mạng được cơ quan có thẩm quyền thẩm định khi thiết lập, mở rộng, nâng cấp hệ thống; quy chế bảo đảm an ninh mạng trong toàn bộ vòng đời; kiểm soát chặt chẽ nhân sự trực tiếp quản trị, xử lý dữ liệu, kể cả nhân sự của nhà thầu.

- **Quản lý định danh và truy cập**: xác thực người nộp hồ sơ qua tài khoản định danh điện tử; định danh nội bộ và đăng nhập một lần cho cán bộ; xác thực đa yếu tố đối với tài khoản quản trị, tài khoản đặc quyền và hệ thống quan trọng; phân quyền theo vai trò và theo cơ quan đăng ký kinh doanh; quản lý phiên làm việc.

- **Bảo vệ ứng dụng và API**: kiểm tra dữ liệu đầu vào; tường lửa ứng dụng web, chống tấn công từ chối dịch vụ, chống truy cập tự động trái phép; xác thực,

ủy quyền, giới hạn tần suất, phát hiện bất thường đối với API; kiểm tra an ninh ứng dụng trước khi vận hành và khi nâng cấp lớn; rà soát mã nguồn.

- **Bảo vệ dữ liệu**: mã hóa dữ liệu nhạy cảm khi lưu trữ và truyền tải; kiểm soát truy cập đến mức trường dữ liệu; phân vùng lưu trữ tách biệt lô-gic; giả danh hóa dữ liệu khi hiển thị, khai thác; áp dụng biện pháp bảo vệ tương ứng với phân loại dữ liệu theo khoản 1 Điều 13 Luật Dữ liệu.

- **Bảo vệ dữ liệu cá nhân**: lập và cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân; chỉ định bộ phận, nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân; ẩn danh hóa, giả danh hóa dữ liệu khi sử dụng cho phân tích, huấn luyện mô hình; thực hiện thời hạn lưu trữ, xóa, hủy dữ liệu theo quy định.

- **Phân vùng an ninh mạng**: vùng biên, vùng lõi, vùng ứng dụng, vùng dữ liệu, vùng phân tích, vùng quản trị; luồng dữ liệu, giao thức, cổng dịch vụ theo danh mục cho phép.

- **Giám sát an ninh mạng và nhật ký hệ thống**: giám sát tập trung, liên tục; ghi nhật ký đăng nhập, thao tác, thay đổi dữ liệu, truy cập API, sự kiện an ninh mạng và lưu trữ theo Nghị định số 331/2026/NĐ-CP; nhật ký được bảo vệ chống sửa đổi, có dấu thời gian chuẩn; kết nối hệ thống giám sát an ninh mạng, hệ thống phòng, chống mã độc tập trung về Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an (điểm b khoản 1 Điều 40 Luật An ninh mạng) và Nền tảng SOC quốc gia thế hệ mới.

- **Quản lý rủi ro và ứng phó sự cố**: đánh giá rủi ro định kỳ tối thiểu 01 lần/năm và khi thay đổi lớn về kiến trúc, công nghệ, nghiệp vụ; quy trình ứng cứu sự cố 24/7; bộ phận ứng cứu sự cố; diễn tập tối thiểu 01 lần/năm; báo cáo sự cố an ninh mạng với cơ quan chuyên trách của Bộ Công an (điểm c khoản 1 Điều 40 Luật An ninh mạng) theo thời hạn quy định.

- **Kiểm tra, đánh giá an ninh mạng**: kiểm tra nội bộ định kỳ; kiểm tra, đánh giá độc lập theo chu kỳ quy định tương ứng với cấp độ được phê duyệt.

- **An toàn trí tuệ nhân tạo**: kiểm soát dữ liệu đầu vào, đầu ra của mô hình; ngăn rò rỉ dữ liệu qua mô hình; không sử dụng dịch vụ AI bên ngoài để xử lý dữ liệu không được phép chuyển ra ngoài Nền tảng; phân loại mức độ rủi ro khi xử lý dữ liệu cá nhân bằng trí tuệ nhân tạo (khoản 4 Điều 30 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân).

4. Thành phần quản trị xuyên suốt

- **Quản trị kiến trúc**: Kiến trúc được rà soát, cập nhật khi có thay đổi pháp luật, nghiệp vụ, công nghệ và tối thiểu 01 lần/năm; thông tin kiến trúc, thành phần, kết nối của Nền tảng được cập nhật lên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; các dự án đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho Nền tảng được đánh giá sự phù hợp với Kiến trúc theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Tiêu chuẩn kỹ thuật**: ban hành, công bố danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Nền tảng về dữ liệu (theo Từ điển dữ liệu dùng chung), API (mô tả theo đặc tả mở, định dạng dữ liệu phổ biến), dữ liệu mở, định danh, xác thực, an ninh mạng, khả năng tiếp cận; phù hợp khung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- **Đo lường, giám sát trực tuyến**: bộ chỉ số vận hành, khai thác Nền tảng được tổ chức theo 05 nhóm chỉ số đo lường kết quả (KPI) của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số: (1) tuân thủ kiến trúc; (2) liên thông và tích hợp (số bộ, ngành, địa phương, hệ thống kết nối; số lượt gọi API và tỷ lệ lỗi; tỷ lệ thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu khai thác; tỷ lệ trường dữ liệu đã ánh xạ Từ điển dữ liệu dùng chung); (3) quản trị và vận hành (chỉ số chất lượng dữ liệu; số sai lệch đối soát được xử lý đúng hạn; số lần cập nhật cấu hình nghiệp vụ theo văn bản mới); (4) kỹ thuật và an toàn (mức độ sẵn sàng của dịch vụ, thời gian phản hồi, RTO, RPO đạt được trong diễn tập, số sự cố an ninh mạng và thời gian khắc phục); (5) kết quả triển khai (số lượng, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, thời gian giải quyết, tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung, mức độ hài lòng, số tập dữ liệu mở). Chỉ số được thu thập tự động; giá trị mục tiêu được xác định trong kế hoạch hằng năm và công bố cùng cam kết chất lượng dịch vụ.

- **Trí tuệ nhân tạo**: danh mục mô hình, mục đích sử dụng, dữ liệu huấn luyện, chỉ số đánh giá, mức độ rủi ro; đánh giá rủi ro trước khi đưa mô hình vào vận hành; giám sát sai lệch, lưu vết, hồ sơ giải trình; thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo; con người rà soát, chịu trách nhiệm quyết định.

- **Quản trị dữ liệu**: phân công chủ quản dữ liệu, người quản lý dữ liệu theo từng tập dữ liệu; quy trình cập nhật, đối soát, xử lý sai lệch; chỉ tiêu chất lượng dữ liệu; kế hoạch số hóa, làm sạch dữ liệu lịch sử.

5. Tích hợp các nền tảng số dùng chung quốc gia và thành phần dùng chung cấp bộ

Nền tảng tích hợp các nền tảng số dùng chung quốc gia và thành phần dùng chung cấp bộ để đáp ứng tiêu chí kết nối, sử dụng lại dịch vụ của nền tảng số dùng chung quốc gia nhóm A theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg, gồm:

- **Nhóm dịch vụ giao tiếp và trải nghiệm người dùng:** Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng VNeID; Nền tảng định danh và xác thực điện tử; Trợ lý ảo quốc gia và Bàn làm việc số của Nền tảng điều hành số quốc gia.

- **Nhóm tích hợp, chia sẻ và quản trị dữ liệu:** Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (Trung tâm dữ liệu quốc gia), Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Cổng dữ liệu quốc gia, Nền tảng số từ điển dữ liệu dùng chung, và Cổng Pháp luật quốc gia.

- **Nhóm liên thông văn bản, thống kê** và giám sát chuyển đổi số: Trục liên thông văn bản quốc gia, Nền tảng quản lý dữ liệu thống kê, Nền tảng thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá triển khai chuyển đổi số và Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia.

- **Nhóm hạ tầng, an ninh mạng và công nghệ lõi:** Nền tảng điện toán đám mây và Trung tâm tính toán hiệu năng cao của Trung tâm dữ liệu quốc gia; Nền tảng SOC quốc gia thế hệ mới; Hệ thống phòng vệ mạng quốc gia; Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Mạng truyền số liệu chuyên dùng; nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung; và Nền tảng chuỗi khối quốc gia.

- **Nhóm thành phần dùng chung cấp Bộ Tài chính:** hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP/LDOP), Kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, Nền tảng trí tuệ nhân tạo cấp bộ, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính và Nền tảng tài chính số quốc gia.

Phụ lục I

DỮ LIỆU CHỦ VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 3179 /QĐ-BTC ngày 02 / 11 /2026 của Bộ Tài chính)

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
	Thông tin cơ bản		
SITE_NAME	Cơ quan cấp giấy tờ	string	100
ENTERPRISE_ID	ID của doanh nghiệp	number	10,0
ENTERPRISE_GDT_CODE	Mã số doanh nghiệp	string	100
ENTERPRISE_TYPE_NAME	Loại hình doanh nghiệp	string	10
NAME	Tên tiếng Việt	string	1000
SHORT_NAME	Tên viết tắt	string	1000
NAME_F	Tên bằng tiếng nước ngoài	string	1000
FOUNDING_DATE	Ngày thành lập	date	
LAST_AMEND_DATE	Ngày đăng ký thay đổi gần nhất	date	
NUMBER_CHANGES	Số lần đăng ký thay đổi	number	10,0
ENTERPRISE_STATUS	Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp	string	10
HO_ADDRESS	Địa chỉ trụ sở chính	string	4000
CAPITAL_AMOUNT	Vốn điều lệ/ Vốn đầu tư	number	21,3
	Đại diện pháp luật/Chủ sở hữu là cá nhân		
FIRST_NAME	Tên của người đại diện pháp luật	string	100
PERS_DOC_NO	Số giấy tờ cá nhân đại diện PL	string	20
DATE_OF_BIRTH	Ngày sinh	date	
GENDER	Giới tính	string	10
NATIONALITY	Quốc tịch	string	100
REPR_POSITION	Chức danh	string	500
C_ADDRESS	Nơi ở hiện tại	string	4000

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
	Thông tin chủ sở hữu là tổ chức		
NAME	Tên tiếng Việt	string	1000
ENTERPRISE_GDT_CODE	Mã số doanh nghiệp	string	100
ISSUANCE_DATE	Ngày cấp		
ISSUANCE_PLACE	Nơi cấp		
HO_ADDRESS	Địa chỉ trụ sở chính	string	4000
	Ngành nghề kinh doanh		
CODE	Mã ngành	string	100
NAME	Tên ngành	string	1000
IS_MAIN	Có phải ngành chính	string	2
	Danh sách thành viên là cá nhân		
FIRST_NAME	Tên thành viên	string	1000
PERS_DOC_NO	Số giấy tờ cá nhân thành viên		
CPT_CONTR_AMOUNT	Vốn góp (VNĐ)	number	21,3
CPT_OWNERSHP_PERCENT	Tỷ lệ phần trăm vốn góp	number	5,2
NATIONALITY	Quốc tịch	string	100
C_ADDRESS	Nơi ở hiện tại	string	4000
NOTE	Ghi chú	string	4000
	Thông tin thành viên là tổ chức		
ENTERPRISE_NAME	Tên tổ chức	string	1000
ENTERPRISE_CODE	Mã tổ chức	string	100
CPT_CONTR_AMOUNT	Vốn góp (VNĐ)	number	21,3
CPT_OWNERSHP_PERCENT	Tỷ lệ phần trăm vốn góp	number	5,2
HO_ADDRESS	Địa chỉ trụ sở chính	string	4000
NOTE	Ghi chú	string	4000

Phụ lục II

DỮ LIỆU CHỦ VỀ ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Quyết định số 3179/QĐ-BTC ngày 02/11/2026 của Bộ Tài chính)

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
	Thông tin cơ bản		
COOPERATIVE_ID	ID của hợp tác xã	number	10,0
COOPERATIVE_GDT_CODE	Mã số hợp tác xã	string	100
COOPERATIVE_TYPE_NAME	Loại hình hợp tác xã	string	10
FULL_NAME	Tên tiếng Việt	string	1000
SHORT_NAME	Tên viết tắt	string	1000
NAME_F	Tên bằng tiếng nước ngoài	string	1000
FOUNDING_DATE	Ngày thành lập	date	
LAST_AMEND_DATE	Ngày đăng ký thay đổi gần nhất	date	
NUMBER_CHANGES	Số lần đăng ký thay đổi	number	10,0
COOPERATIVE_STATUS	Tình trạng hoạt động của hợp tác xã	string	10
HO_ADDRESS	Địa chỉ trụ sở chính	string	500
HO_PHONE	Số điện thoại trụ sở chính	string	300
HO_EMAIL	Email trụ sở chính	string	300
HO_FAX	Fax trụ sở chính	string	500
HO_URL	Website	string	1000
CAPITAL_AMOUNT	Vốn điều lệ/ Vốn đầu tư	number	21,3
	Đại diện pháp luật		
FIRST_NAME	Tên của người đại diện pháp luật	string	100
PERS_DOC_NO	Số giấy tờ cá nhân đại diện PL	string	20
DATE_OF_BIRTH	Ngày sinh	date	
GENDER	Giới tính	string	10
REPR_POSITION	Chức danh	string	500
NATIONALITY	Quốc tịch	string	100
R_ADDRESS	Địa chỉ thường trú	string	500
C_ADDRESS	Địa chỉ liên lạc	string	500
	Ngành nghề kinh doanh		
CODE	Mã ngành	string	100
NAME	Tên ngành	string	1000

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
IS_MAIN	Có phải ngành chính (Y/N)	string	2
SITE_NAME	Cơ quan cấp giấy tờ	string	100

Phụ lục III

DỮ LIỆU CHỦ VỀ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 3179 /QĐ-BTC ngày 02 /11 /2026 của Bộ Tài chính)

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
	Thông tin cơ bản		
HOUSEHOLD_ID	ID của hộ kinh doanh	number	10,0
HOUSEHOLD_GDT_CODE	Mã số hộ kinh doanh	string	100
HOUSEHOLD_TYPE_NAME	Loại hình hộ kinh doanh	string	10
NAME	Tên tiếng Việt	string	1000
SHORT_NAME	Tên viết tắt	string	1000
NAME_F	Tên bằng tiếng nước ngoài	string	1000
FOUNDING_DATE	Ngày thành lập	date	
LAST_AMEND_DATE	Ngày đăng ký thay đổi gần nhất	date	
NUMBER_CHANGES	Số lần đăng ký thay đổi	number	10,0
HOUSEHOLD _STATUS	Tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh	string	10
HO_ADDRESS	Địa chỉ trụ sở chính	string	500
HO_PHONE	Số điện thoại trụ sở chính	string	300
HO_EMAIL	Email trụ sở chính	string	300
HO_FAX	Fax trụ sở chính	string	500
HO_URL	Website	string	1000
CAPITAL_AMOUNT	Vốn kinh doanh	number	21,3
	Chủ hộ kinh doanh		
FIRST_NAME	Tên của người đại diện pháp luật	string	100
PERS_DOC_NO	Số giấy tờ cá nhân chủ hộ KD	string	20
DATE_OF_BIRTH	Ngày sinh	date	
GENDER	Giới tính	string	10
ETHNIC_BACKGROUND	Dân tộc	string	100
NATIONALITY	Quốc tịch	string	100
R_ADDRESS	Địa chỉ thường trú	string	500
C_ADDRESS	Nơi ở hiện tại	string	500
	Ngành nghề kinh doanh		
CODE	Mã ngành	string	100

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
NAME	Tên ngành	string	1000
IS_MAIN	Có phải ngành chính (Y/N)	string	2
SITE_NAME	Cơ quan cấp giấy tờ	string	100